FireAnt

CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HSX: VDS)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,045
SL cổ phiếu LH	272,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,420,755
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,597
P/E	16.2
EPS	1,041

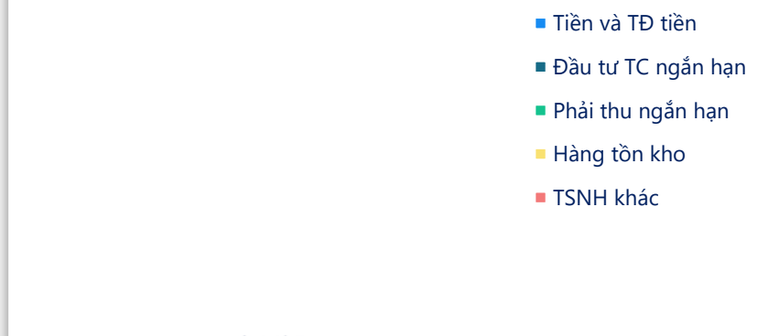
	YTD	1T	3T	6T
VDS	-9.5%	-9.6%	-23.5%	13.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



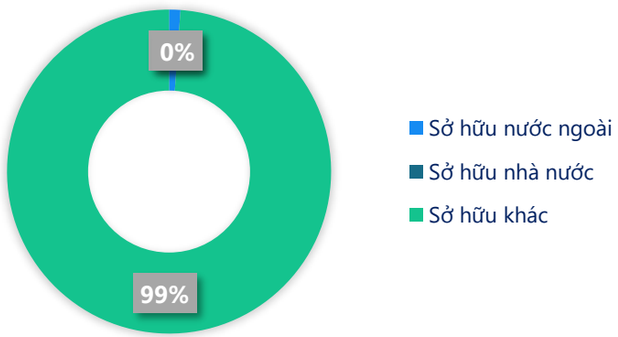
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



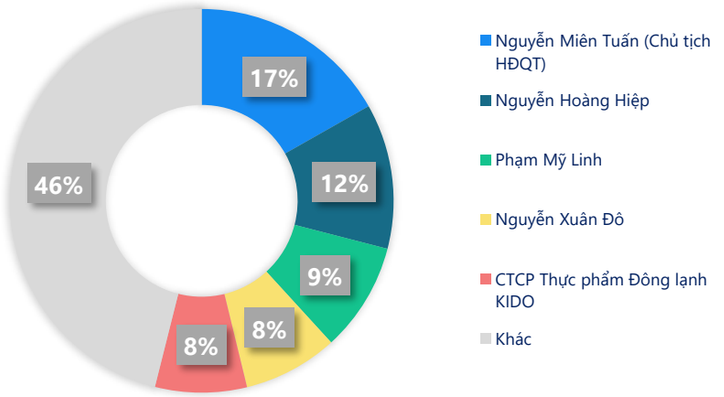
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



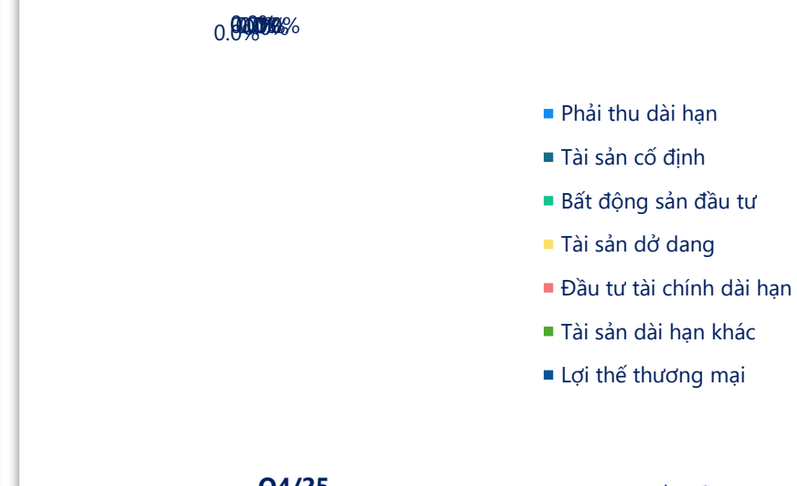
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

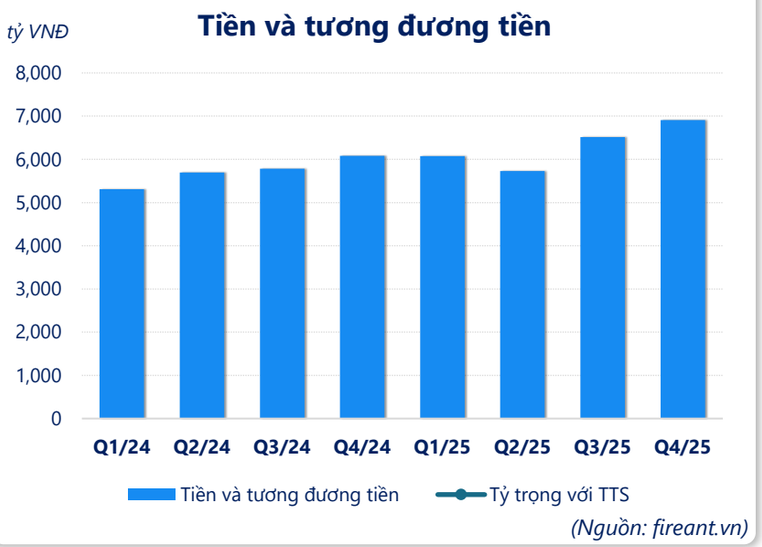


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HSX: VDS)

Tiền và tương đương tiền



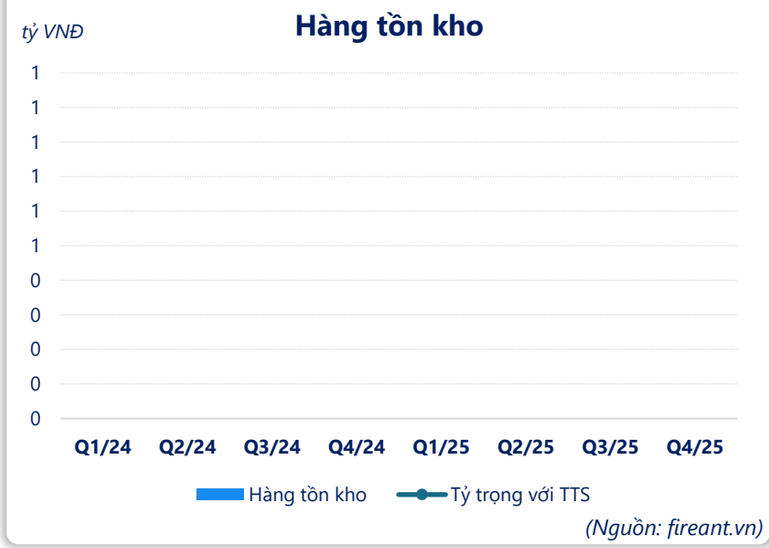
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



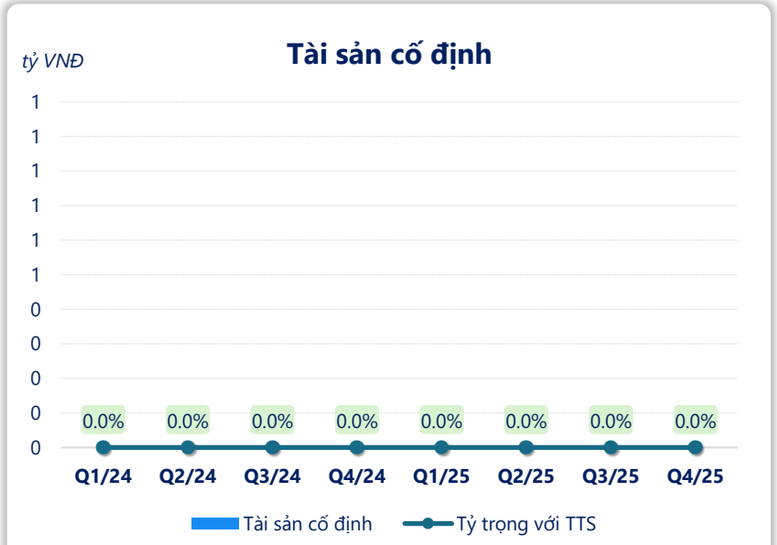
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



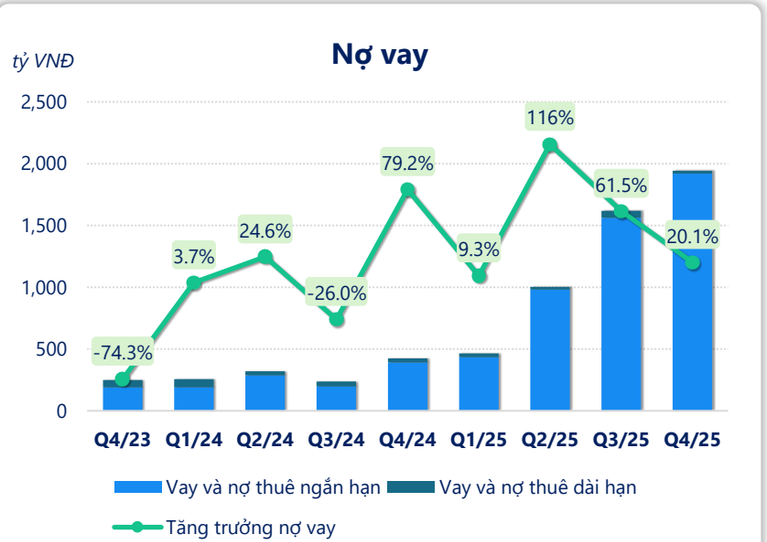
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



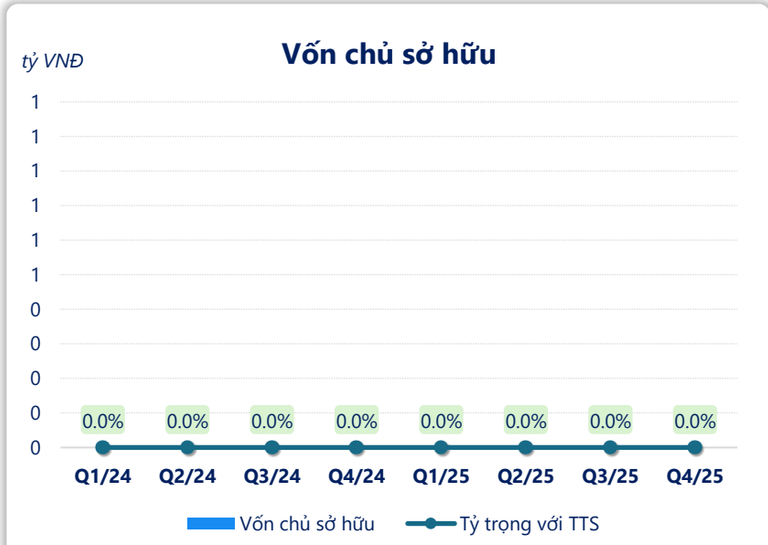
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

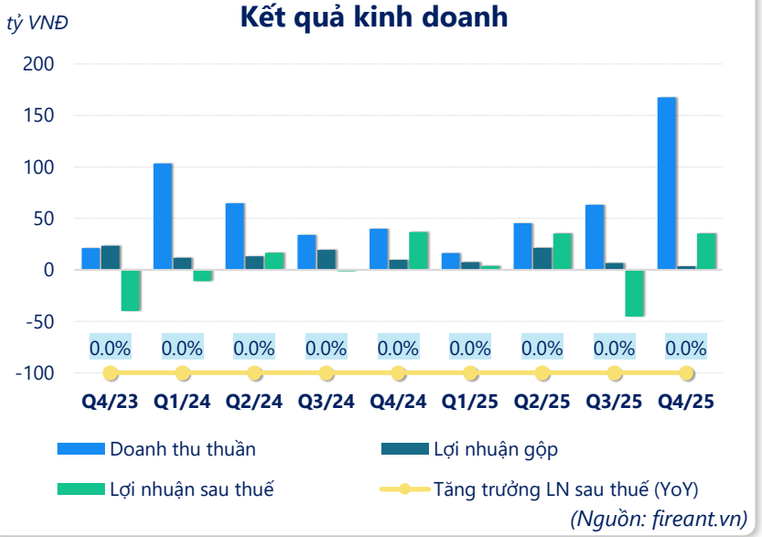
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

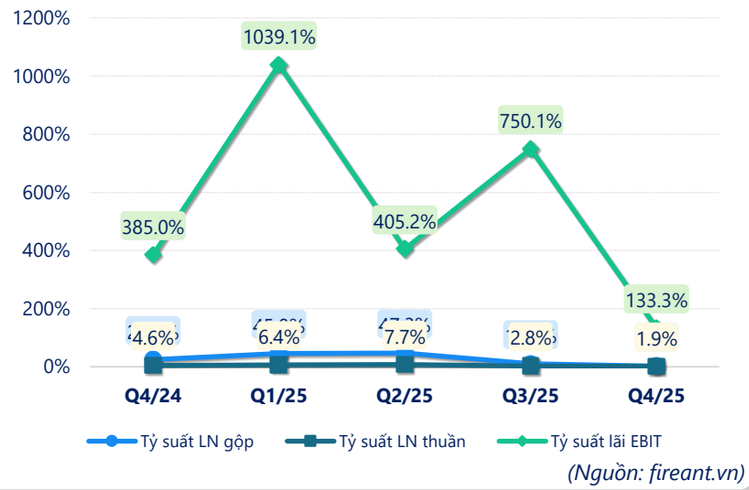
CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HSX: VDS)

Kết quả kinh doanh



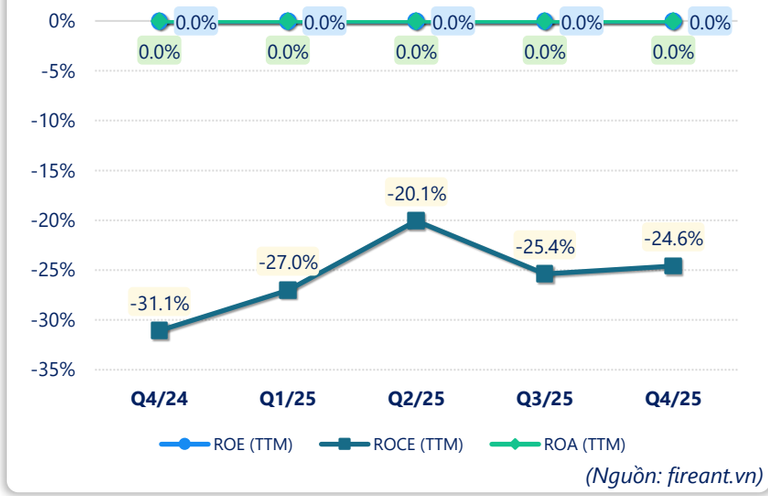
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



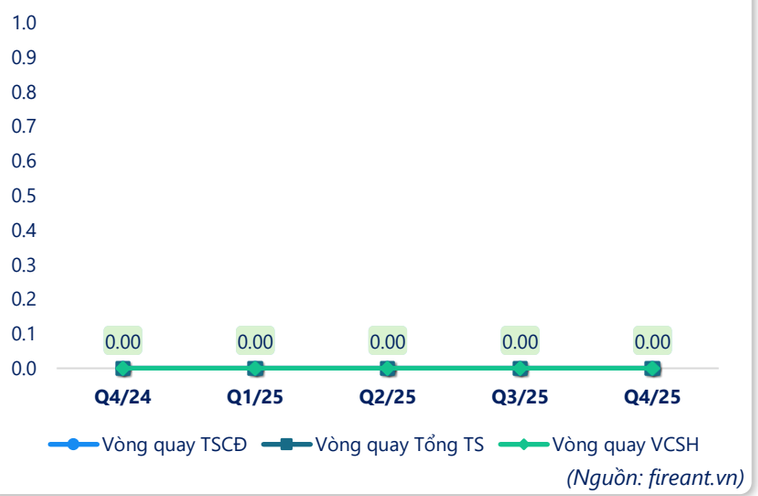
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



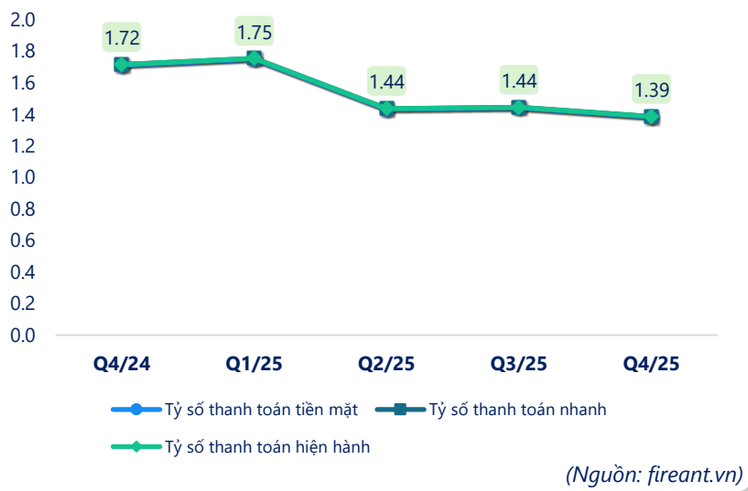
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



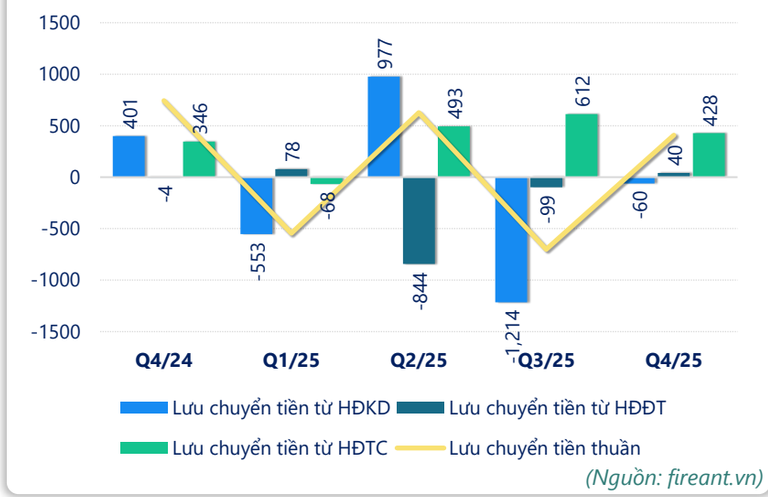
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HSX: VDS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	6,926	6,096	13.6%
Tiền và tương đương tiền	6,911	6,081	13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	575	-73.9%
Phải thu ngắn hạn	496	530	-6.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**12.7**	**11.9**	**6.5%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.5	47.1	13.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.77**	**5.70**	**1.2%**
Lợi thế thương mại	10.0	13.2	-24.5%
Nợ phải trả	5,022	3,587	40.0%
Nợ ngắn hạn	**4,998**	**3,554**	**40.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,919	392	390%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	33.0	-27.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	39.8	16.4	45.2	63.3	168
Giá vốn hàng bán	-46.3	10.1	-39.0	189	-148
Lợi nhuận gộp	9.70	7.49	21.3	6.54	3.39
Doanh thu HĐTC	2.21	4.73	11.2	11.5	11.5
Chi phí TC	103	91.8	93.9	108	120
Chi phí lãi vay	0	1.00	2.00	5.16	1.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.7	34.0	40.3	81.4	59.3
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	1.84	1.05	3.48	1.75	3.13
Lợi nhuận khác	0.54	0.65	0.74	0.81	1.27
LN trước thuế	153	169	181	470	222
Lợi nhuận sau thuế	36.8	3.70	35.5	-45.3	35.2
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	401	-553	977	-1,214	-59.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.79	78.0	-844	-98.9	40.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	346	-68.2	493	612	428
Tiền đầu kỳ	464	1,207	664	1,289	588
Lưu chuyển tiền thuần	**743**	**-543**	**626**	**-701**	**409**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,207	664	1,289	588	997

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic